

Số: 299/2025/QĐST-DS

Mê Linh, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2025/TLST - DS, ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung sự thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị L, sinh năm 1985;
Nơi ĐKKHKT tại: Thôn C, xã Q, thành phố Hà Nội.
Nơi ĐKKHKT cũ: Tổ C, thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lê Thị Q và bà Trần Thúy H – Luật sư Văn phòng sư ATK - Đoàn sư thành phố H;
- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1982;
Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982;
Người đại diện theo ủy quyền của chị L1: Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1982;
Đều có nơi ĐKKHKT tại: Thôn L, xã Q, thành phố Hà Nội.
Nơi ĐKKHKT cũ: Thôn L, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977 và chị Vương Thị H1, sinh năm 1975.
Đều trú tại: Thôn Đ, xã Q, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nợ và nghĩa vụ trả nợ:

- **Về số nợ:** Tính đến ngày 18/9/2025 Anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 nợ chị Ngô Thị L 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*). Trong đó 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) tiền gốc và 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền lãi.

- **Về nghĩa vụ trả nợ:** Anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả chị Ngô Thị L 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*). Trong đó 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) tiền gốc và 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền lãi, sau này không phải trả thêm lãi.

Lộ trình trả nợ của Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 được hai bên thống nhất như sau:

Anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 trả nợ cho chị Ngô Thị L 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*). Trong đó 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) tiền gốc và 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền lãi trong thời hạn 6 tháng, theo lộ trình mỗi tháng trả nợ 230.000.000 đồng vào ngày 18 của tháng đó, thời gian trả nợ bắt đầu kể từ ngày 18/10/2025 đến ngày 18/3/2026 Anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 trả toàn bộ số nợ gốc và lãi trên. Lộ trình cụ thể như sau:

- Lần 01: 18/10/2025 anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả chị Ngô Thị L 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

- Lần 02: 18/11/2025 anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả chị Ngô Thị L 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

- Lần 03: 18/12/2025 anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả chị Ngô Thị L 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

- Lần 04: 18/01/2026 anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả chị Ngô Thị L 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

- Lần 05: 18/02/2026 anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả chị Ngô Thị L 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

- Lần 06: 18/3/2026 anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ còn lại là 250.000.000 đồng cho chị Ngô Thị L và đồng thời chị L phải ký hủy Vi bằng mua bán đất giữa anh Nguyễn Văn C và chị Vương Thị H1 với chị Ngô Thị Lệ S: 59/2023/VB-TPLQM ngày 27/9/2023 tại Văn phòng phát lại Quang M).

Nếu anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 không trả được nợ hoặc vi phạm bất kỳ cam kết nào về nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình như trên thì anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nếu anh Nguyễn Văn C, chị Vương Thị H1 và chị Ngô Thị Lệ vi P bất kỳ nghĩa vụ nào về cam kết nêu trên thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu anh A và chị L1 không trả được nợ hoặc vi phạm bất kỳ cam kết nào về nghĩa vụ trả nợ theo đúng lộ trình nêu trên thì chị L có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.2. Về án phí: Được giảm $\frac{1}{2}$, anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị L1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*). Hoàn trả lại chị Ngô Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 43.650.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0055564 ngày 13/6/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định